TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 9 - 2024
V/v: Hủy kết hôn trái pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bế Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Hồng Châu;
2. Ông Nguyễn Văn Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 172/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, về việc *"Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/9/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST – DS ngày 20/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị N Y, sinh năm 1976. (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, thôn D xã C, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1969. (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn D xã C, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dan xã C, huyện C, tỉnh Đăk Lăk. (Vắng mặt);

Địa chỉ: Xã C, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2024 và quá trình tham gia tố tụng Nguyên đơn bà Trần Thị N Y1 bày:

Tôi và ông Phan Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/12/1992 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi về chung sống với

nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, nhưng do tính cách không hợp và không có tiếng nói chung, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí xúc phạm đến nhau, ông Phan Văn T hay say rượu về là chửi bới và đe dọa, có bạo lực với tôi. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn. Nhưng tôi thay đổi nội dung đơn khởi kiện vì lý do khi đăng ký kết hôn tôi chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên tôi thay đổi nội dung đơn khởi kiện, theo đó đề nghị tòa án hủy việc đăng ký kết hôn của tôi.

* Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là: Cháu Phan Thị Tuyết N, sinh năm 1993; Cháu Phan Thị Tuyết T1, sinh năm 1995; Cháu Phan Quốc R, sinh năm 1998. Các con hiện nay đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi, sống khỏe mạnh và có cuộc sống riêng nên không đề nghị tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Phan Văn T vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày:***

Tôi là chồng của bà Trần Thị N Y, tôi đồng ý với lời trình bày của vợ tôi về thời gian đăng ký kết hôn. Tôi thừa nhận trong thời gian qua tôi cũng có sai, có chửi bới vợ tôi, nhưng tôi vẫn còn yêu thương vợ. Tôi mong tòa giải quyết cho vợ chồng tôi trở lại với nhau, tôi hứa không tái phạm. Tôi không đồng ý ly hôn, không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã C trình bày:**

Năm 1992 UBND xã C tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo yêu cầu của ông Phan Văn T và bà Trần Thị N Y. Khi đó Chủ tịch UBND xã C đã ký giấy chứng nhận kết hôn số số 42, ngày 22/12/1992 cho ông T, bà Ý. Quá trình tiếp nhận hồ sơ Cán bộ UBND xã C đã thiếu sót trong việc rà soát nhân thân, độ tuổi đăng ký kết hôn của bà Trần Thị N Y. Sau khi kiểm tra dữ liệu trên hệ thống dân cư tại xã C thì UBND xã C xác định bà Trần Thị N Y chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của UBND xã C về việc giải quyết vụ án: Do ông T, bà Ý vi phạm điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình, vì thế đề nghị TAND huyện Cư M'gar hủy kết hôn trái pháp luật đối với ông Phan Văn T và bà Trần Thị N Y.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng:

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự theo Điều 70, Điều 71 BLTTDS; Bị đơn không thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy đăng ký kết hôn trái pháp luật của ông Phan Văn T và bà Trần Thị N Y.

Về con chung: Các con của bà Ý, ông T hiện nay đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi, sống khỏe mạnh và có cuộc sống riêng, bà Ý không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã C, huyện C thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đến ngày 19/8/2024 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật, do đó tòa án xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là hủy việc kết hôn trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 29 BLTTDS;

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị N Y2 xin giải quyết xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Phan Văn T vắng mặt không có lý do lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Bà Trần Thị N Y và ông Phan Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/12/1992 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian. Đến nay bà Ý cho rằng cuộc sống hai vợ chồng không còn hạnh phúc, ông T hay say rượu về chửi bới và đe dọa bạo lực với bà Ý nên theo đơn khởi kiện bà Trần Thị N Y đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị N Y thay đổi nội dung đơn khởi kiện vì lý do khi kết hôn bà Ý chưa đủ tuổi đăng ký

kết hôn nên đề nghị tòa án hủy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật của bà Ý và ông T.

Căn cứ căn cước công dân của bà Trần Thị N Y thể hiện bà Ý sinh ngày 01/3/1976, và theo căn cước công dân của ông T thể hiện ông Phan Văn T sinh năm 1969. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/ĐKM, thể hiện ngày chứng nhận kết hôn là ngày 22/12/1992. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn bà Trần Thị N Y được 16 tuổi 09 tháng 21 ngày. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, Luật hôn nhân gia đình năm 1986 đang có hiệu lực, Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986 quy định: Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn bà Trần Thị N Y chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình quy định: *Nếu một hoặc hai bên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc có một bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hoặc một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia không yêu cầu thì tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật…*

Như vậy, căn cứ Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Trần Thị N Y và ông Phan Văn T.

[3.1] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị N Y và ông Phan Văn T có 03 con chung là: Phan Thị Tuyết N, sinh năm 1993; Phan Thị Tuyết T1, sinh năm 1995; Phan Quốc T2, sinh năm 1998. Các con hiện nay đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi, sống khỏe mạnh và có cuộc sống riêng, bà Ý không yêu cầu nên tòa án không giải quyết.

[3.2] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên tòa án không giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị N Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn ông Phan Văn T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N Y

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Trần Thị N Y và ông Phan Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/ĐKM ngày 22/12/1992 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện C. Ông Phan Văn T và bà Trần Thị N Y chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Các con hiện nay đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi, sống khỏe mạnh và có cuộc sống riêng, nguyên đơn bà Trần Thị N Y không yêu cầu nên tòa án không giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Trần Thị N Y3 yêu cầu nên tòa án không giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Trần Thị N Y4 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0007585 ngày 08/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh ĐắkLắk.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện CưM'gar;
- THADS huyện CưM'gar;
- UBND xã Cư Suê;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bế Văn Toàn